TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày 01- 03- 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vòng

Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108a/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật ông T – Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: ông B – Giám đốc Ngân hàng N; người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông L –Phó trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng -Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: phường H, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo văn bản uỷ quyền số: 02/UQ-QTr ngày 15/5/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1979 và bà Trương Thị Kiều H, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Thôn H, xã B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, ông S vắng mặt, bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2018, bản tự khai ngày 04/7/2018 và qua các phiên hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Ngân hàng N chi nhánh Quang Trung Quảng Bình và vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Trương Thị Kiều H đã ký 02 Hợp đồng tín dụng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 36/2015/HĐTD ngày 29/7/2015; phụ lục hợp đồng số 36B/2015/PLHĐ ngày 28/10/2015; phụ lục hợp đồng số 36C/2015/PLHĐ ngày 10/12/2015 và phụ lục hợp đồng số 36D/2015/PLHĐ ngày 10/12/2015 với nội dung ông Nguyễn Hữu S, bà Trương Thị Kiều H vay của Ngân hàng số tiền 15.899.570.000 đồng; mục đích vay vốn: Đóng mới tàu cá lưới rê vỏ thép công suất 811CV theo Nghị định 67/2017/NĐ-CP ngày 07/07/2014; thời hạn vay 16 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm (trong đó lãi suất chủ tàu phải trả là 1%, lãi suất nhà nước hỗ trợ là 6%). Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng nói trên, ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H đã ký với Ngân hàng các Hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 36/2015/HĐTC ngày 28/07/2015 được ký giữa Ngân hàng N- Chi nhánh Quảng Bình (Bên nhận thế chấp) với Ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H (Bên thế chấp) với tài sản được hình thành theo hợp đồng kinh tế số: 25/06-15/ĐM-KD ngày 25/06/2015 và Phụ lục số 01 Hợp đồng đóng mới tàu số 05.08.2015/HĐMT ngày 05/08/2015 được ký giữa DNTN CKCN Tàu Thủy Nguyễn Văn T với ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H.

+ Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 36/2016/HĐBS ngày 31/05/2016 được ký giữa Ngân hàng Chi nhánh Quảng Bình (Bên nhận thế chấp) với ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H (Bên thế chấp) với tài sản thế chấp đã hình thành sau thời gian đóng tàu được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 50754, số đăng ký QB-91609-TS, Cơ quan đăng ký: Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Quảng Bình; cấp ngày 20/05/2016.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng nói trên, Ngân hàng chi nhánh Quảng Bình đã thực hiện việc giải ngân tại các giấy nhận nợ từ ngày 11/8/2015 đến ngày 26/7/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho đến thời điểm xét xử ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là: 1.312.342.000 đồng. Từ ngày 28/01/2018, kỳ hạn trả nợ lần thứ 3 đến hạn trả nợ: 529.521.000 đồng, ông S và bà H chỉ trả nợ được 49.800.000 đồng còn nợ số tiền gốc 476.221.000 đồng, đã chuyển thành nợ xấu từ ngày 28/04/2018 với toàn bộ dự nợ tính đến ngày 15/05/2018 là 14.843.695.780 đồng (trong đó nợ gốc: 14.787.228.000 đồng, nợ lải tính đến ngày 09/05/2018 là 56.467.780 đồng).

Để nợ quá hạn lâu ngày Ngân hàng đã nhiều lần đòi nợ, gia hạn thời gian trả nợ nhưng ông S, bà H luôn trốn tránh và thiếu thiện chí hợp tác trong thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 01/3/2019 là 14.832.204.541 đồng, trong đó, nợ gốc: 14.587.228.000 đồng, nợ lãi trong hạn 115.840.848 đồng; nợ lãi quá hạn 129.135.693 đồng. Trường hợp ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ nêu trên, tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H.

* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H hoàn toàn thừa nhận các nội dung đã ký kết các Hợp đồng tín dụng, Phụ lục Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai đúng như sự trình bày Ngân hàng chi nhánh Quảng Bình. Sau khi nhận tiền giải ngân từ Ngân hàng chi nhánh Quảng Bình, vợ chồng ông S, bà H đã sử dụng đúng mục đích. Tuy nhiên, chịu ảnh hưởng sau sự cố Fomusa năm 2015 kèm theo hoàn cảnh ngư trường đánh bắt bị Trung Quốc xâm chiếm nên việc đánh bắt không hiệu quả. Tàu bị rỉ sét hư hỏng, chi phí sửa chữa lớn ảnh hưởng đến thu nhập và giá xăng dầu biến động tăng liên tục nên ông S, bà H không có khả năng thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Ông S, bà H đồng ý số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh mà phía Ngân hàng đã trình bày đồng thời thừa nhận hiện nay ông bà không có khả năng thanh toán nợ nên có nguyện vọng đề nghị Tòa án xử lý các tài sản đã thế chấp theo các Hợp đồng đã ký kết để thu hồi vốn vay cho Ngân hàng và đề nghị phía Ngân hàng xem xét thêm khoản lãi suất của Chính phủ hỗ trợ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng N và hộ gia đình có trụ sở và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các bên đương sự đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại các phiên hòa giải, các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết các nội dung tranh chấp, do đó Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Quyết định xét xử vụ án số 108/2018/QĐXXST-DS ngày

22/12/2018. Tại phiên tòa ngày 29/01/2019, phía bị đơn ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 29/01/2019 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 01/3/2019.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét các Hợp đồng tín dụng số 36/2015/HĐTD ngày 29/7/2015 (và các phụ lục Hợp đồng kèm theo), Hợp đồng tín dụng số 92/2017/HĐTD ngày 20/10/2017, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai đã ký kết giữa Ngân hàng chi nhánh Quảng Bình và ông Nguyễn Hữu S, bà Trương Thị Kiều H, Hội đồng xét xử thấy:

Toàn bộ hồ sơ vay vốn cũng như hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự là bị đơn ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định của Bộ luật dân sự 2005 và Luật các tổ chức tín dụng 2010, ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H có lập giấy đề nghị vay vốn, tham gia vào việc định giá tài sản thế chấp, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, ông S, bà H đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H chỉ mới trả được 1.312.342.000 đồng tiền nợ gốc và 282.310.624 đồng tiền nợ lãi cho Ngân hàng. Từ ngày 28/01/2018 đến nay, ông S, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên toàn bộ dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 28/4/2018.

Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu ông S và bà H trả nợ, nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho ông S, bà H trả nợ nhưng ông bà vẫn chưa thực hiện việc trả nợ đã vi phạm các điều khoản của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 11 Hợp đồng tín dụng số 36/2015/HĐTD ngày 29/7/2015; khoản 2 Điều 12 Hợp đồng tín dụng số 92/2017/HĐTD ngày 20/10/2017 và Điều 4 Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai đã thỏa thuận, bên nhận thế chấp được xử lý tài sản để thu hồi nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía bị đơn hoàn toàn thừa nhận mất khả năng thanh toán nợ và đồng ý bàn giao tài sản thế chấp để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng. Do đó, buộc ông S, bà H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền gốc và lãi là tính đến ngày 01/3/2019 là 14.832.204.541 đồng; trong đó: nợ gốc 14.587.228.000 đồng; nợ lãi trong hạn 115.840.848 đồng; nợ lãi quá hạn 129.135.693 đồng.

[4] Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của ông S, bà H là tài sản được hình thành trong tương lai tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số

36/2015/HĐTC ngày 28/7/2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 36/2016/HĐSĐ ngày 31/5/2016, xác định tài sản sau khi hình thành qua 02 Hợp đồng trên là tàu đánh cá vỏ thép mang tên Thanh H 09 do ông Nguyễn Hữu S làm chủ tàu, số đăng ký QB-91609-TS ngày 20/5/2016; cơ quan đăng ký: Chi cục KT&BVNL thủy sản Quảng Bình. Trường hợp ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các nội dung đã cam kết trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì cần xử lý tài sản nêu trên để thu hồi vốn vay cho Ngân hàng.

[5] Về án phí: Ngân hàng không phải chịu hoàn trả lại số tiền án phí cho Ngân hàng.

Ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H phải chịu án phí là 112.000.000đ và phần vượt quá 4.000.000.000đ là 14.832.204.541đ - 4.000.000.000đ = 10.832.204.541đ x 0,1% = 10.832.000đ +112.000.000đ = 122.832.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và các Điều 281, 285, 286, 290, 302, 318, 342, 343, 344, 350, 351, 355 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H phải trả cho Ngân hàng N tính đến ngày 01/3/2019 với tổng số tiền nợ gốc và lãi là 14.832.204.541 đồng (Mười bốn tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, hai trăm linh bốn ngàn, năm trăm bốn mươi mốt đồng); trong đó: nợ gốc 14.587.228.000 đồng; nợ lãi trong hạn 115.840.848 đồng; nợ lãi quá hạn 129.135.693 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thoả thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/3/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Trường hợp ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H không trả hết số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp là tàu đánh cá vỏ

thép mang tên Thanh H 09 do ông Nguyễn Hữu S làm chủ tàu, công suất 811CV; số đăng ký QB-91609-TS; cơ quan đăng ký: Chi cục KT&BVNL thủy sản Quảng Bình cấp ngày 20/5/2016.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hữu S và bà Trương Thị Kiều H phải chịu 122.832.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 61.681.820 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000476 ngày 21/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.